

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19 -3 - 2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn, tranh chấp hợp
đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Mạnh Hải;

Bà Nguyễn Thị Bích Thuận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vy Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024; Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1980; địa chỉ: số G ngõ A đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nông Văn V, sinh năm 1982; địa chỉ: số G ngõ A đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Ngân hàng TMCP S (viết tắt là Ngân hàng S1).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang H, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP S; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn H1, Giám đốc, Ngân hàng TMCP S, chi nhánh L; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Dương Công N, chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP S, chi nhánh L; có mặt.

- Người làm chứng: Chị Trần Như H2, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Sau thời gian tự do tìm hiểu chị và anh Nông Văn V được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ theo nghi thức cổ truyền, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 28-4-2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2022 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Vĩnh m chơi, có quan hệ phức tạp, không phụ giúp chị chăm sóc con cái. Từ tháng 9/2023 anh V dọn ra khỏi nhà đi nơi khác sống, vợ chồng chị đã sống ly thân đến nay, hiện nay anh V sinh sống ở đâu chị không biết, anh V không liên lạc với vợ con, nhưng chị biết được anh V vẫn liên lạc điện thoại với người thân của anh V như bố mẹ, anh em, chú thím, biết việc Tòa án niêm yết văn bản tại nơi cư trú cuối cùng của anh V, nhưng anh V không chịu tham gia tại Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn. Do mâu thuẫn của vợ chồng quá trầm trọng, kéo dài nhiều năm, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn V.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V có 01 con chung tên là Nông Anh K, sinh ngày 02-10-2014. Tại đơn khởi kiện chị C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; yêu cầu anh Nông Văn V cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000 đồng/1 tháng. Nhưng do hiện nay anh V không biết sinh sống ở đâu, không có trách nhiệm trong việc nuôi con chung, nên chị không yêu cầu anh Nông Văn V cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đối với khoản vay của anh Nông Văn V tại Ngân hàng S1 theo hợp đồng tín dụng số 200/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.110700 ngày 12-5-2021 và Khế ước nhận nợ số 01-200/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.110700 ngày 12-5-2021 số tiền vay 530.000.000 đồng, Hợp đồng thế chấp số 132/2021/HĐTC-CN/SHB.110700 ngày 12-5-2021 được ký kết giữa Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và anh Nông Văn V, chị Nguyễn Thị C: Chị thừa nhận có được kí vào các văn bản này, nhưng do anh V nói với chị là: Anh V vay để mua xe ô tô, còn nợ thì anh Vĩnh tự có trách nhiệm trả, chị chỉ ký để làm thủ tục vay tiền, chị không phải trả nợ cho Ngân

hàng. Do là vợ chồng, vì nghe anh V nói thế nên chị đã ký vào các hợp đồng trên. Anh V vay tiền mua xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, biển kiểm soát 12C-100.91. Anh V mua xe về mục đích chỉ để riêng anh V đi lại, thỉnh thoảng có việc ở quê anh V mới chở vợ con về quê. Từ khi mua xe vào tháng 5-2021 đến khi chị và anh V ly thân (khoảng tháng 4-2023, đến tháng 9-2023), thỉnh thoảng chị nhìn thấy anh V để xe ô tô trước cổng trường tiểu học K2 ở gần nhà. Việc trả nợ tiền mua xe cho Ngân hàng là do anh Vĩnh t trả, anh V đã trả được bao nhiêu tiền thì chị không biết. Sau khi mua chiếc xe này, anh V đã đem đi cầm cố và chuộc lại mấy lần, mỗi lần đem xe đi cầm cố hay lấy về anh V cũng không hề nói với chị. Tiền lấy xe ô tô bị cầm cố chị không biết vì anh V không nói với chị, anh V vay mượn bạn bè hay của ai chị không biết. Nay Ngân hàng S1 yêu cầu chị và anh V trả tiền vay mua xe ô tô BT-50, biển kiểm soát 12C-100.91 mỗi người 1/2 số tiền nợ thì chị không nhất trí. Xe ô tô biển kiểm soát 12C-100.91 khi anh V bỏ nhà chuyển ra nơi khác sinh sống anh V đã lấy xe đi luôn, hiện nay xe để ở đâu, do ai quản lý, sử dụng thì chị không biết. Chị không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đối với xe ô tô. Chị cho rằng tiền vay Ngân hàng S1 để mua xe ô tô biển kiểm soát 12C-100.91 là nợ riêng của anh V, chị đề nghị Ngân hàng S1 đòi nợ đối với riêng anh V.

Bị đơn anh Nông Văn V không có bản khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nông Văn V để tham gia các giai đoạn tố tụng nhưng anh Nông Văn V đều vắng mặt, không thông báo lý do cho Tòa án biết. Do anh Nông Văn V không hợp tác nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại K, phường V; Ủy ban nhân dân phường V và Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn tuy nhiên anh Nông Văn V đều vắng mặt và không thông báo lý do cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã đồng thời tiến hành triệu tập anh Nông Văn V trên phương tiện thông tin đại chúng như: B, Đ (V1); trang tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Tại bản tự khai, cháu Nông A K là con chung của anh Nông Văn V và chị Nguyễn Thị C trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu muốn ở cùng với mẹ để mẹ chăm sóc được tốt hơn, do bố thường xuyên vắng nhà.

Theo đơn yêu cầu độc lập đề ngày 20-11-2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng S1 trình bày:

Giữa Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và anh Nông Văn V, chị Nguyễn Thị C ký kết các văn bản là Hợp đồng tín dụng số 200/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.110700 ngày 12-5-2021, Khế ước nhận nợ số 01-200/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.110700 ngày 10-5-2021 và Hợp đồng thế chấp số 132/2021/HĐTC-CN/SHB.110700 ngày 10-5-2021. Các bên thỏa thuận: Ngân hàng S1 cho anh Nông Văn V, chị Nguyễn Thị C vay số tiền 530.000.000 đồng để mua ô tô. Ngày 13-5-2023 Ngân hàng đã giải ngân khoản vay bằng chuyển khoản số tiền 530.000.000 đồng đến Công ty TNHH MTV T số tài khoản 1010221137 mở tại

Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L để thanh toán tiền anh V, chị C mua ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại BT-50, biển kiểm soát 12C-100.91 sản xuất năm 2021, màu xanh, số máy P4AT4215945, số khung MM7UR4DD2NW134870, xe ô tô được phòng C1 Công an tỉnh L cấp đăng ký xe ngày 10-5-2021 cho anh Nông Văn V. Tài sản bảo đảm là xe ô tô biển kiểm soát 12C-100.91. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh V, chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo định kỳ thỏa thuận, từ ngày 12-6-2023 anh V, chị C không thanh toán tiền vay. Tính đến ngày 19-3-2024 anh V, chị C nợ Ngân hàng S1 số tiền 486.759.854 đồng, trong đó nợ gốc 408.541.74 đồng, lãi trong hạn 72.420.225 đồng, lãi quá hạn 2.890.079 đồng, lãi chậm trả lãi 2.907.876 đồng. Ngân hàng đã ra thông báo yêu cầu anh V chị C trả nợ nhiều lần, nhưng anh V, chị C vẫn không trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng đối với số tiền trên, kể từ ngày 20-3-2024 anh V, chị C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ còn phải trả lãi đối với số tiền gốc chưa thanh toán theo lãi suất ghi trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Đề nghị tuyên việc xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 12C-100.91 để thu hồi nợ. Do hiện nay không biết anh V để xe ô tô biển kiểm soát 12C-100.91 ở đâu nên Ngân hàng không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với xe ô tô, đề nghị giải quyết hợp đồng thế chấp theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc đúng quy định về việc viết bản khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định. Bị đơn không chấp hành quy định về viết bản khai, tham gia phiên hòa giải, phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng công khai, triệu tập bị đơn trên phương tiện thông tin đại chúng; phiên tòa triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt; căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nông Văn V là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V chung sống có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống chị C và anh V nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là anh V không quan tâm vợ con, từ tháng 9 năm 2023 đến nay anh V đã đi khỏi địa phương, không rõ địa chỉ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Như vậy, chị C và anh V không còn sống chung, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, không có sự thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau, cùng nhau nuôi dạy con cái. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của

chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V có 01 con chung tên là Nông Anh K, sinh ngày 02-10-2014; chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; cháu Nông A Kiệt có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, hiện nay cháu K đang sống cùng chị Nguyễn Thị C; chị C có việc làm tự do, có thu nhập, có chỗ ở ổn định; có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh V hiện nay sống ở đâu không rõ địa chỉ. Do đó, để giữ ổn định về chỗ ở, tâm sinh lý phát triển mọi mặt của cháu, căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị C rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Nông Văn V cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Theo chị Nguyễn Thị C trình bày không có nợ chung. Tuy nhiên, ngày 20-11-2023 Ngân hàng S1 có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu anh V, chị C trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngày 12-5-2021 giữa Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L và anh Nông Văn V, chị Nguyễn Thị C ký kết Hợp đồng tín dụng số 200/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.110700, Ngân hàng S1 đã cho anh Nông Văn V, chị Nguyễn Thị C vay số tiền 530.000.000 đồng để mua ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại BT-50, biển kiểm soát 12C-100.91. Khoản vay này được anh V, chị C vay trong thời kỳ hôn nhân, nên đủ căn cứ xác định khoản nợ tín dụng với Ngân hàng S1 là nợ chung vợ chồng của anh Nông Văn V, chị Nguyễn Thị C. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến nay anh V, chị C còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 19-3-2024 cả gốc và lãi là 486.759.854 đồng. Do đó, có căn cứ buộc anh Nông Văn V, chị Nguyễn Thị C thanh toán nợ cho Ngân hàng, mỗi người phải chịu 1/2 số tiền nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Do chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V đã vi phạm nghĩa vụ trách nhiệm trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định trường hợp chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 12C-100.91 theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Về chi phí đăng tin, thông báo hết số tiền 3.044.000 đồng chị Nguyễn Thị C tự nguyện chịu, đề nghị xác nhận.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị C chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng. Anh Nông Văn V, chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự tương ứng đối với số tiền nợ phải thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Nông Văn V cư trú tại: K phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Ngân hàng TMCP S có yêu cầu độc lập buộc chị Nguyễn Thị C, anh Nông Văn V thanh toán tiền vay theo Hợp đồng tín dụng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn; xác định quan hệ pháp luật là "ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng tín dụng".

[2] Tại đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị C đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn là anh Nông Văn V; tại Công văn số 251/CAP ngày 04-12-2023 Công an phường V, thành phố L cung cấp thông tin anh Nông Văn V đăng ký hộ khẩu thường trú tại số G, ngõ A, đường M, khối I, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; tại Biên bản xác minh ngày 28-12-2023 tại K phường V, thành phố L thể hiện anh V không ở địa phương, hiện nay không biết anh V ở đâu, tại địa chỉ số G, ngõ A, đường M, khối I, phường V, thành phố L hiện có chị Nguyễn Thị C và cháu Nông Anh K đang sinh sống. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt văn bản tố tụng cho anh V vì anh V không có mặt tại nơi cư trú. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn anh Nông Văn V cố tình che giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh Nông Văn V theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ngoài ra Tòa án đã tiến hành triệu tập anh V trên phương tiện thông tin đại chúng như: B1 và địa phương; Đ; công thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh L, trang tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhưng anh Nông Văn V vẫn không có mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nông Văn V.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V chung sống có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống chị C và anh V nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là anh V không quan tâm vợ con, nay anh V đã đi khỏi địa phương, hiện nay anh V ở đâu chị C không rõ, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Như vậy, chị C và anh V không còn sống chung, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, không có sự thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau, cùng nhau nuôi dạy con cái. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị C và anh V đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử

chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V có 01 con chung tên là Nông Anh K, sinh ngày 02-10-2014; chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; cháu Nông A Kiệt có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, hiện nay cháu K đang sống cùng chị C; chị C có việc làm tự do, có thu nhập, có chỗ ở ổn định; có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh V hiện nay sống ở đâu không rõ địa chỉ. Do đó, để giữ ổn định về chỗ ở, tâm sinh lý phát triển mọi mặt của cháu, cần có mẹ chăm sóc, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị C được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nông A K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện, chị C yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000 đồng/1 tháng; nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị C rút yêu cầu, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về nợ chung: Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng S1:

Chị Nguyễn Thị C, anh Nông Văn V ký kết với Ngân hàng S1 chi nhánh tỉnh L vay số tiền 530.000.000 đồng để mua xe ô tô với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 200/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.110700 ngày 12-5-2021, Khế ước nhận nợ số 01-200/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.110700 ngày 12-5-2021, Hợp đồng thế chấp số 132/2021/HĐTC-CN/SHB.110700 ngày 12-5-2021 với các nội dung chính như sau: Thời hạn vay 96 tháng, lãi suất vay 12,1%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn gần nhất, lịch trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng, lãi tính theo dư nợ gốc thực tế; tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MAZDA biển kiểm soát 12C-100.91. Hợp đồng tín dụng, K1 ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp nêu trên được ký kết bởi các chủ thể đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, có nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của các Điều 116, 117, 398, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ khoản tiền cho vay và chị Nguyễn Thị C, anh Nông Văn V đã mua xe ô tô nhãn hiệu MAZDA biển kiểm soát 12C-100.91. Như vậy, các hợp đồng ký kết nêu trên có hiệu lực pháp luật.

[7] Chị Nguyễn Thị C cho rằng việc mua xe là nợ riêng của anh Nông Văn V và cho rằng chị bị cán bộ Ngân hàng lừa dối cho rằng đây chỉ là thủ tục để cho anh V vay tiền, chị thừa nhận được ký vào hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Nhưng chị C không đưa ra được căn cứ chứng minh việc chị bị lừa dối ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, không có văn bản thể hiện thỏa thuận giữa chị C, anh V và Ngân hàng đây là khoản nợ riêng của anh V trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, giao dịch do chị C, anh V cùng thỏa thuận xác lập với Ngân hàng S1 trong thời kỳ hôn nhân là khoản nợ chung; chị Nguyễn Thị C, anh Nông Văn V cùng phải chịu trách nhiệm, nghĩa vụ trả khoản nợ này.

[8] Sau khi vay tiền Ngân hàng S1 theo hợp đồng tín dụng nêu trên, chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V đã thực hiện việc trả nợ gốc và lãi 237.524.229 đồng, đến ngày xét xử 19-3-2024 chị C và anh V còn nợ Ngân hàng số tiền 486.759.854 đồng, trong đó nợ gốc 408.541.674 đồng, lãi trong hạn 72.420.225 đồng, lãi quá hạn 2.890.079 đồng, lãi chậm trả lãi 2.907.876 đồng. Từ ngày 12-6-2023 chị C và anh V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận, đến nay khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng S1 có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V trả Ngân hàng số tiền gốc và lãi chưa thanh toán là có căn cứ.

[9] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 12C-100.91. Chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V đã vi phạm nghĩa vụ trách nhiệm trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1 về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ.

[10] Về chiếc xe ô tô biển kiểm soát 12C-100.91, tại đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị C không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, qua tranh tụng tại phiên tòa xác định chiếc xe ô tô hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa chị C, anh V và nguồn gốc số tiền mua xe từ vay Ngân hàng như phân tích ở trên. Như vậy, có đủ căn cứ xác định chiếc xe ô tô này là tài sản chung vợ chồng, hiện là tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp, chị C cho rằng chiếc xe ô tô này anh Vĩnh tự mua, tự quản lý sử dụng là không có căn cứ. Chị C chấp nhận xử lý tài sản thế chấp để thanh toán khoản vay, nên được chấp nhận.

[11] Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Từ các phân tích trên, có căn cứ chấp nhận các yêu cầu Ngân hàng S1, buộc chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19-3-2024 là 486.759.854 đồng, trong đó nợ gốc 408.541.74 đồng, lãi trong hạn 72.420.225 đồng, lãi quá hạn 2.890.079 đồng, lãi chậm trả lãi 2.907.876 đồng; chị C và anh V còn phải chịu trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19-3-2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định của Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết, tương ứng mỗi người phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng S1 bằng 1/2 tổng số tiền nợ, tạm tính đến ngày 19-3-2024 mỗi người phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền 243.379.927 đồng nợ gốc và lãi. Trường hợp chị C, anh V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng S1 thì Ngân hàng S1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại BT-50, biển kiểm soát 12C-100.91 sản xuất năm 2021, màu xanh, số máy P4AT4215945, số khung MM7UR4DD2NW134870, Giấy chứng nhận đăng ký xe số 12001519 do Phòng C1 Công an tỉnh L cấp ngày 10-5-2021 cho anh Nông Văn V để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được không đủ trả nợ thì chị Nguyễn Thị C, anh Nông Văn V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong khoản nợ cho Ngân hàng S1.

[13] Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nông Văn V không hợp tác tham gia tố tụng, không có bản khai đối với việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng, khoản nợ chung khác. Do đó, anh Nông Văn V có quyền khởi kiện đối với các nội dung này để giải quyết bằng vụ án khác.

[14] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàng S1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp; chị Nguyễn Thị C, anh Nông Văn V phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải thanh toán tại thời điểm xét xử sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Về chi phí cho việc đăng tin thông báo triệu tập anh Nông Văn V trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.044.000 đồng, chị Nguyễn Thị C tự nguyện chịu. Xác nhận chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ.

[16] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[17] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 398, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 4; Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 7, 8, 10, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về áp dụng lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C ly hôn với anh Nông Văn V. (Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 28/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nông Anh K, sinh ngày 02/10/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nông Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút.

4. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về nợ chung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP S.

Buộc chị Nguyễn Thị C, anh Nông Văn V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng tín dụng số 200/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.110700 ngày 12-5-2021 và Khế ước nhận nợ số 01-200/2021/HĐTDTDH-CN/SHB.110700 ngày 12-5-2021 số tiền nợ tính đến ngày 19-3-2024 là 486.759.854 đồng, trong đó nợ gốc 408.541.674 đồng, lãi trong hạn 72.420.225 đồng, lãi quá hạn 2.890.079 đồng, lãi chậm trả lãi 2.907.876 đồng. Trong đó, mỗi người phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S bằng 1/2 tổng số tiền nợ, tạm tính đến ngày 19-3-2024 số tiền nợ gốc và lãi của mỗi người là 243.379.927 đồng.

Chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V còn phải chịu trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19-3-2024 đối với khoản nợ của mỗi người cho đến khi thanh toán xong khoản nợ của mỗi người theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

6. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp chị Nguyễn Thị C, anh Nông Văn V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 132/2021/HĐTC-CN/SHB.110700 ngày 12-5-2021 là xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại BT-50, biển kiểm soát 12C-100.91 sản xuất năm 2021, màu xanh, số máy P4AT4215945, số khung MM7UR4DD2NW134870, Giấy chứng nhận đăng ký xe số 12001519 do Phòng C1 Công an tỉnh L cấp ngày 10-5-2021 cho anh Nông Văn V, là tài sản chung vợ chồng, chưa chia.

Việc thanh toán tiền có được từ xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 307 của Bộ luật Dân sự. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế

chấp, số tiền thu được không đủ trả nợ thì chị Nguyễn Thị C, anh Nông Văn V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ chưa được thanh toán của mỗi người cho đến khi trả xong cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

7. Về chi phí cho việc đăng tin thông báo triệu tập anh Nông Văn V trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.044.000 đồng, chị Nguyễn Thị C tự nguyện chịu. Xác nhận chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ.

8. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; chị Nguyễn Thị C đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/20216/0001189 ngày 20/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn. Chị Nguyễn Thị C và anh Nông Văn V mỗi người phải chịu 11.735.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp Ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 11.094.000 đồng theo theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000065 ngày 02-12-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

9. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nông Văn V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Ninh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Hải Nguyễn Thị Bích Thuận

Nguyễn Hải Ninh

